

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Đ
TP. H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HSST

Ngày 08/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Xây

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Phùng

2. Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 330/2023/HSST ngày 19/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/QĐXXST-HS ngày 26/12/2023 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1 Bị cáo Bùi Văn T, sinh năm 1986; Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh H; Chỗ ở: Số 29 ngách 241 Ngõ C, phường P, quận Đ, tp H; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 8/12; Con ông: Bùi Văn P (C); Con bà: Bùi Thị H; có vợ: Bùi Thị L; Có 03 con, (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013);

Tiền án, tiền sự:

Ngày 21/02/2020, TAND quận B, TP H xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Ra trại ngày 08/6/2020; Chưa xóa án tích)

Ngày 16/3/2021, TAND huyện Đ, TP H xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Ra trại ngày 18/02/2022; Chưa xóa án tích)

Ngày 07/4/2023, Công an huyện Y, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 08/6/2023; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

1.2. Bị cáo Bùi Văn K; sinh năm 1989;

Nơi ĐKNKTT: Xóm Ấm, xã V, huyện L, tỉnh H; Nơi ở: Số 29 ngách 241 Ngõ C, phường P, quận Đ, tp H; Dân tộc: MườngM; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 6/12; Con ông: Bùi Văn O (C); Con bà Bùi Thị P; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ và tạm giam từ ngày 08/6/2023; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H, có mặt.

1.3. Bị cáo Khoảng Văn N; sinh năm 1997; Nơi ĐKNKTT: Bản Phai T, xã M, huyện T, tỉnh Đ; Nơi ở: Không xác định; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 6/12; Con ông Khoảng Văn N (Chết); Con bà Mào Thị T (Chết); có vợ Lò Thị L; có 2 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh 2017).

Tiền án, tiền sự: Ngày 16/6/2021, TAND huyện T, tỉnh Đ xử phạt 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; (Ra trại ngày 29/8/2022; Chưa xóa án tích);

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ và tạm giam từ ngày 08/6/2023; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; Có mặt.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

2.1 Anh Quàng Văn T, sinh năm 1998; HKTT: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh S; Nơi ở: số 8 ngõ 325 K, phường T, quận H, TP H; Vắng mặt.

2.2 Anh Lò Văn T, sinh năm 1998; HKTT: Tổ 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. Người bào chữa:

3.1 Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn K: Ông Nguyễn Quang P – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Tp. H; Có mặt.

3.2 Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T: Bà Nguyễn Bích H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Tp. H; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 08/6/2023, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Đ làm nhiệm vụ tại khu vực chắn tàu phở Ô, phường P, quận Đ, tp H, phát hiện Khoảng Văn N điều khiển xe máy Yamaha biển kiểm soát: 26M1-202.02 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Do N không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên tổ công tác đã mời về trụ sở Công an phường P để làm việc.

Tại Công an phường P, Cơ quan Công an phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải phía trước N đang mặc có 01 gói giấy màu trắng bên trong có 02 gói giấy kích thước mỗi gói khoảng (1x2) cm đều chứa chất bột màu trắng. Ngoài ra, Cơ quan công an còn tạm giữ của N 01 điện thoại Redmi màu xanh cùng sim số 0989.867.631 và 01 xe máy Yamaha BKS: 26M1-202.02.

Tại bản Kết luận giám định số 3840/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của Khoàng Văn N bên trong 02 gói giấy đều là ma túy loại Heroin, tổng khối lượng: 0,258 gam.

Tại cơ quan điều tra, Khoàng Văn N đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau: Do nghiện ma túy Heroin nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/6/2023, N sử dụng số điện thoại 0989.867.631 gọi điện đến số 0967.622.646 hỏi mua 02 gói ma túy Heroin với giá 600.000 đồng, mục đích sử dụng. Sau đó, N đi xe máy Yamaha biển kiểm soát: 26M1-202.02 đến khu vực Hồ B, phố Ô, phường P, quận Đ, tp H gặp và mua được của Bùi Văn K 02 gói ma túy Heroin với giá 600.000 đồng (N đưa K 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng). Sau khi mua được ma túy, Nhất đi tìm nơi sử dụng thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Đ phát hiện và bắt giữ. Ngoài ra, N còn khai nhận vào tối ngày 07/6/2023, N đã mua được 01 gói ma túy Heroin với giá 300.000 đồng của Khoan tại khu vực Hồ B, phố Đ và đã sử dụng hết.

*** Vụ thứ hai:**

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 08/6/2023, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Đ làm nhiệm vụ tại khu vực chắn tàu phố Ô, phường P, quận Đ, tp H, phát hiện Bùi Văn K đang trao đổi với Lò Văn T (Sinh năm 1998; Trú tại Thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ) có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước bên phải K đang mặc có 02 gói giấy kích thước mỗi gói khoảng (1x2) cm bên trong chứa chất bột màu trắng; thu giữ trong lòng bàn tay trái T đang cầm số tiền 200.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng).

Tại cơ quan Công an các đối tượng khai nhận K đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho T. Ngoài ra, cơ quan Công an còn tạm giữ của T 01 điện thoại Vivo màu đen cùng sim số 0979.936.345; Tạm giữ của Khoan 01 điện thoại GOLY màu đen cùng sim số 0967.622.646 và 1.200.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng).

Đến khoảng 15 giờ 50 phút ngày 08/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Đ tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn K tại nhà số 29 ngách 241 ngõ chợ K, phường P, quận Đ, tp H, quá trình khám xét tại nhà đang có Bùi Văn T. T đã tự nguyện chỉ và giao nộp cho cơ quan Công an 01 túi nilon màu xanh kích thước khoảng (10x15) cm bên trong có 15 gói giấy kích thước mỗi gói khoảng (1x2) cm đều chứa chất bột màu trắng đang cất giấu tại khu vực hành lang tầng 2 cạnh cầu thang tầng 2 cạnh vị trí T đang đứng; Thu giữ tại bàn làm việc trong phòng tầng 2 có 10 mảnh giấy kích thước khoảng (4x5) cm.

Ngoài ra, Cơ quan Công an còn tạm giữ của T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh – đen cùng sim số 0325.692.097 và 1.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 3841/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận:

- Chất bột màu trắng bên trong 15 gói giấy đều là ma túy loại Heroin, tổng khối lượng: 1,658 gam. (thu giữ của Bùi Văn T)

- 10 mảnh giấy đều không dính ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 3842/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận:

- Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy màu trắng (Thu giữ của Bùi Văn K) là ma túy loại Heroin, khối lượng: 0,141 gam.

- Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy màu trắng (Thu giữ của Bùi Văn K) là ma túy loại Heroin, khối lượng: 0,129 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn T và Bùi Văn K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và khai: T bán ma túy từ khoảng giữa tháng 5/2023, khi có khách hỏi mua sẽ liên hệ đến số điện thoại 0967.622.646 của T, T sẽ mang ma túy ra khu vực Hồ B để giao dịch mua bán. Từ đầu tháng 6/2023, do K không có chỗ ở nên T đã cho K đến ở cùng phòng trọ với T ở nhà số 29 ngách 241 ngõ chợ K, phường P, quận Đ, tp H. Trong quá trình ở cùng, T nhiều lần bảo K mang ma túy đi bán cho khách của T. T trả công K bằng việc cho K ăn ở, sử dụng ma túy không lấy tiền và hứa sẽ trả cho K 100.000 đồng/gói ma túy K mang đi bán.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/6/2023, T nhận được điện thoại của một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0989.867.631 hỏi mua 02 gói ma túy Heroin với giá 600.000 đồng và một người đàn ông khác sử dụng số điện thoại 0979.936.347 gọi điện cho T hỏi mua 01 gói Heroin với giá 300.000 đồng. T đồng ý và lấy 04 gói Heroin cùng điện thoại gắn sim số 0967.622.646 đưa cho K và bảo K mang đi bán cho khách 03 gói, còn 01 gói nếu gặp ai hỏi mua thì bán với giá 300.000 đồng. K đồng ý và mang 04 gói ma túy cùng chiếc điện thoại Tuấn đưa ra khu vực phố Ô, phường P để bán ma túy. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, tại khu vực Hồ B, phố Ô, K đã bán cho N 02 gói ma túy Heroin với giá 600.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục gặp T tại khu vực Hồ B để bán ma túy nhưng khi K và T đang trao đổi tiền mua bán ma túy (K chưa giao ma túy cho T) thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và bắt giữ. Ngoài ra, T và K khai vào khoảng tối ngày 07/6/2023, T đã đưa 02 gói ma túy Heroin cho K để mang đi bán cho N và T (mỗi người mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng) tại khu vực phố Ô.

Về nguồn gốc số ma túy K mang bán và số ma túy bị thu giữ khi khám xét, T khai nhận đã mua được của một người phụ nữ không quen biết tại khu vực nóc hầm K, phường P, quận Đ, Tp H với giá 3.000.000 đồng vào tối ngày 07/6/2023. Sau khi mua được ma túy, T đã chia nhỏ làm nhiều gói mục đích để bán kiếm lời.

Tại Cơ quan điều tra, Lò Văn T khai nhận: Do nghiện ma túy Heroin nên khoảng 11 giờ 35 phút ngày 08/6/2023, T đã gọi điện đến số 0967622646 hỏi mua 01 gói Heroin với giá 300.000 đồng. Sau đó T đi bộ đến khu vực phố Ô, phường P gặp K. Khi gặp được K, T đưa cho K 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, K cầm tiền rồi trả lại T 200.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Khi T vừa cầm tiền thừa trong tay trái và K chưa kịp đưa ma túy cho T thì bị cơ

quan Công an kiểm tra bắt giữ. Ngoài ra, T còn khai nhận vào tối ngày 07/6/2023, T cũng mua được 01 gói ma túy Heroin với số tiền 300.000 đồng của K tại khu vực Hồ B.

Đối với chiếc xe máy Yamaha Exciter, biển kiểm soát: 26M1-202.02 thu giữ của Khoảng Văn N. Tại Cơ quan điều tra, N khai mượn chiếc xe máy trên của anh Quảng Văn T (sinh năm 1998; trú tại Bản P, xã M, huyện T, tỉnh S). Anh T khai đã mua chiếc xe máy trên từ năm 2021 để sử dụng và nhờ anh Lò Văn Q (sinh năm 1991; trú tại bản P, xã Mùng B, huyện T, tỉnh S – là anh họ của anh T) đứng tên đăng ký xe. Đến trưa ngày 08/6/2023, Khoảng Văn N mượn xe máy của anh T để sử dụng, anh T không biết việc N sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh Quảng Văn T.

Đối với Bùi Văn T, ngày 08/6/2023 Tây có hành vi liên hệ mua ma túy và giao cho K số tiền 500.000 đồng để mua ma túy Heroin nhưng chưa nhận được ma túy Heroin từ K nên hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với ngày 07/6/2023, Tây đã mua của T, K 01 gói ma túy Heroin với giá 300.000 đồng nhưng đã sử dụng hết nên không xác định được khối lượng ma túy T đã tàng trữ do đó không có căn cứ xử lý T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 30/6/2023, Tòa án nhân dân quận Đ đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 20 tháng đối với Lò Văn T.

Đối với đối tượng bán ma túy cho Bùi Văn T, tại cơ quan điều tra, T khai không biết tên tuổi, địa chỉ do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Vật chứng vụ án

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ những đồ vật, tài sản gồm:

- Thu giữ của Bùi Văn T gồm: 01 túi nilon màu xanh kích thước khoảng 10x15 cm trong đó đựng 15 (Mười lăm) gói giấy kích thước mỗi gói khoảng 1x2 cm đều đựng chất bột màu trắng; 10 mảnh giấy kích thước khoảng (4x5)cm; 01 điện thoại nhãn hiệu Real me màu xanh - đen, gắn sim số 0325.692.097 và sim số 0857.786.016 và 1.000.000 đồng.

- Thu giữ của Bùi Văn K gồm: 02 gói giấy kích thước mỗi gói khoảng (1x2)cm bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu GOLY màu đen, gắn sim số 0967.622.646 và 1.200.000 đồng.

- Thu giữ của Khoảng Văn N gồm: 01 gói giấy màu trắng bên trong có 02 gói giấy kích thước mỗi gói khoảng (1x2) cm đều chứa chất bột màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xanh, gắn sim số 0989.867.631 và 01 xe máy Yamaha Exciter, biển kiểm soát: 26M1-202.02.

- Thu giữ của Lò Văn T gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu đen, gắn sim số 0979.936.345 và 200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 339/CT-VKS ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đ đã truy tố:

Bị cáo Bùi Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bùi Văn K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Khoảng Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm b khoản 2 Điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm tù.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Khoảng Văn N từ 18 tháng đến 22 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của các bị cáo; Tịch thu sung công điện thoại, tiền đã thu giữ của các bị cáo do liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo T: Nhất trí với đại diện VKS về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên trong môi trường gia đình thuần nông và là nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh H; Bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên tác động đến khả năng nhận thức của bị cáo về xã hội và pháp luật. Vì vậy, kính mong HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS để bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo qui định pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và sớm trở về nuôi dạy con thơ và trở thành công dân có ích cho xã hội;

Người bào chữa cho bị cáo K: Nhất trí với đại diện VKS về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên trong gia đình hoàn cảnh khó khăn và nơi sinh sống thuộc khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh H; Bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên tác động đến khả năng nhận thức của bị cáo về xã hội và pháp luật. Vì vậy, kính mong HĐXX xem xét áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS để bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo qui định pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và sớm trở về giúp đỡ gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội;

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa : Lời khai của các bị cáo phù hợp phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 08/6/2023, tại khu vực chắn tàu phở Ô, phường P, quận Đ, tp H, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Đ phát hiện bắt quả tang Khoảng Văn N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (0,258 gam ma túy loại Heroin). Tại cơ quan điều tra, N khai nhận số ma túy trên N mua của Bùi Văn K với giá 600.000 đồng tại khu vực Hồ B, phở Ô, phường P, quận Đ, tp H mục đích để sử dụng.

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 08/6/2023, tại khu vực chắn tàu phở Ô, phường P, quận Đ, tp H, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Đ phát hiện bắt quả tang Khoảng Văn N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (0,258 gam ma túy loại Heroin). Tại cơ quan điều tra, N khai nhận số ma túy trên N mua của Bùi Văn K với giá 600.000 đồng tại khu vực Hồ , phở Ô, phường P, quận Đ, tp H mục đích để sử dụng.

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 08/6/2023, tại khu vực chắn tàu phở Ô, phường P, quận Đ, tp H, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Đ phát hiện bắt quả tang Bùi Văn K có hành vi bán trái phép chất ma túy với Bùi Văn T thì bị phát hiện bắt quả tang. Cơ quan thu giữ được của K 0,270 gam ma túy Heroin. K khai nhận số ma túy trên là của Bùi Văn T đưa cho K mang đi bán cho khách của và được T trả công. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn K tại nhà số 29 ngách 241 ngõ chợ K, phường P, quận Đ, tp H, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Đ thu giữ được của Bùi Văn T 1,658 gam ma túy loại Heroin. Tại cơ quan điều tra, T khai nhận số ma túy bị thu giữ là của T mua về mục đích để bán kiếm lời. Ngoài ra, quá trình điều tra xác định vào tối ngày 07/6/2023, T đã đưa cho K 02 gói ma túy Heroin

mang đi bán cho Khoàng Văn N và Lò Văn T mỗi người 01 gói với giá 300.000 đồng/gói ma túy tại khu vực hồ B.

Hành vi của bị cáo Bùi Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Bùi Văn K đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Khoàng Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đ truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn K là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo Khoàng Văn N là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hủy hoại sức khỏe của con người, là nguồn gốc phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác trong xã hội; Xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về quản lý ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng nên cần xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với Bùi Văn T, ngày 08/6/2023 T có hành vi liên hệ mua ma túy và giao cho K số tiền 500.000 đồng để mua ma túy Heroin nhưng chưa nhận được ma túy Heroin từ K nên hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với ngày 07/6/2023, T đã mua của T, K 01 gói ma túy Heroin với giá 300.000 đồng nhưng đã sử dụng hết nên không xác định được khối lượng ma túy T đã tàng trữ do đó không có căn cứ xử lý T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 30/6/2023, Tòa án nhân dân quận Đ đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 20 tháng đối với Lò Văn T.

[4] Xét nhân thân các bị cáo:

Bị cáo T có nhân thân xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS; Bị cáo K chưa có tiền án, tiền sự ; Bị cáo N có tiền án năm 2021 chưa xóa, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 53 BLHS.

Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo K là người giúp sức tích cực nên mức hình phạt của bị cáo T sẽ nghiêm khắc hơn bị cáo K.

Khi xem xét hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo qui định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[5] Xử lý vật chứng:

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Real me màu xanh - đen gắn sim số 0325692097 và sim số 0857 786 016 và 1.000.000 đồng thu giữ của Bùi Văn T có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu GOLY màu đen gắn sim số 0967 622 646 và 1.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Bùi Văn K có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xanh gắn sim số 0989 867 631 thu giữ của Khoàng Văn N có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

Chiếc xe máy Yamaha Exciter, biển kiểm soát: 26M1-202.02 thu giữ của Khoàng Văn N. Qua điều tra, xác minh chủ sở hữu là anh Quàng Văng T. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh Quàng Văn T, anh T đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo màu đen gắn sim số 0979.936.345 và 200.000 đồng thu giữ của Lò Văn T có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

Tịch thu tiêu hủy ma túy đã thu giữ của các bị cáo;

Đối tượng bán ma túy cho Bùi Văn T, Cơ quan điều tra không làm rõ để xử lý được nên không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Khoàng Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

*Áp dụng điểm b,q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm b Khoản 2 Điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 8 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

*Áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

*Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Khoàng Văn N 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

*Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

***Xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 106; Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

Số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) của Bùi Văn T.

Số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) của Lò Văn T.

Số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm đồng) của Bùi Văn K.

01 điện thoại Redmi màu xanh của Bùi Văn T.

01 điện thoại GOLY màu đen của Bùi Văn K.

01 điện thoại VIVO màu đen của Lò Văn T.

01 điện thoại Redmi màu xanh của Khoảng Văn N.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ ma túy được đựng trong 03 phong bì niêm phong bên ngoài có chữ ký của Bị cáo và Giám định viên, cán bộ niêm phong.

(theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12/6/2023 của Công an quận Đ và Biên bản giao, nhận vật chứng số 13 ngày 19/10/2023 lập tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ).

4. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người liên quan có quyền kháng cáo phần quyết định liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Trại tạm giam số I H;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Xây